

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-8-2022  
V/v “Ly hôn và tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Bà Bùi Thị Tuyết Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1408/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Thu T, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2022, các văn bản tố tụng khác nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:* Anh và chị Đặng Thị Thu T có tìm hiểu nhau khoảng vài tháng. Cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn Đ, huyện A (nay là phường Đ, thị xã A). Sau khi kết hôn vợ

chồng sống phía gia đình anh ở Đ, A, Bình Định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc mãi năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T thay đổi tính tình, không quan tâm đến gia đình, có tính ham chơi cờ bạc và có lần bị Công an phường B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Năm 2021 anh cũng đã có lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T nhưng sau đó anh tự nguyện rút đơn ly hôn để không bị ảnh hưởng đến việc thi cử của con. Từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với vợ nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị Thu T.

Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày: 03/4/2004 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 25/8/2006. Hiện nay cháu T1 đã thành niên, sức khỏe bình thường và đã tự lao động nên anh không có yêu cầu gì. Riêng cháu D hiện nay chưa thành niên, anh làm nghề lái xe, có thu nhập, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*Theo biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2022, các văn bản tố tụng khác bị đơn chị Đặng Thị Thu T trình bày:*

Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Xuân H có tìm hiểu nhau khoảng một năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn Đ, huyện A (nay là phường Đ, thị xã A). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng Đ, A, Bình Định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng bình thường. Đến năm 2019 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có tình cảm với người phụ nữ khác. Thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại. Về phần chị, chị cũng có ham chơi đánh bài ăn tiền tuy số tiền đánh bạc không lớn nhưng công an cũng đã từng xử lý hành chính đối với chị. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh H nữa nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn cả hai vợ chồng cùng lo cho các con.

Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày: 03/4/2004 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 25/8/2006. Hiện nay cháu T1 đã thành niên, sức khỏe bình thường và có khả năng lao động được. Còn cháu D hiện đang ở với anh H. Nếu ly hôn, chị yêu cầu anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân H ly hôn với chị Đặng Thị Thu T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 25/8/2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng, miễn xét.

Về tài sản chung: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên miễn xét.

Về án phí: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Xuân H yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị Đặng Thị Thu T, chị T có nơi cư trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H và bị đơn chị Đặng Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T.

[3] Anh H và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Đ. A. Do đó, theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T được pháp luật bảo vệ.

[4] Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận có đánh bạc và đã từng bị xử lý vi phạm hành chính. Mặc dù chị không đồng ý ly hôn với anh H nhưng cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm. Do đó, có căn cứ xác định mục đích hôn nhân nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt

được. nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vợ chồng có hai người con chung gồm: Nguyễn Bảo T1, sinh ngày: 03/4/2004 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 25/8/2006. Hiện nay cháu T1 đã thành niên, sức khỏe bình thường và có khả năng lao động được còn cháu D chưa thành niên, anh H và chị T thống nhất giao cháu D cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc thỏa thuận của anh H và chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu D, theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H xác định mức thu nhập của anh đủ chi phí nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T.

[7] Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết.

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân H ly hôn với chị Đặng Thị Thu T.

2. Về con chung: Có 02 người con chung gồm: tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày: 03/4/2004 và tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 25/8/2006. Giao cháu D cho

anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi con vì anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005297 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân H và chị Đặng Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường Đ;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Kiều Oanh**